TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:141/2022/DS-PT
Ngày: 23-9-2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Sóc Trăng: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19 và ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST, ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:103/2022/QĐPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lê Thị B, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số 593/2 ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- *Bị đơn* Lê Thị Ngọc C, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Phi: Ông Lê Khả Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 02 dãy B, đường B (nay là hẻm 17 T), Phường H, Quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

2. Ông Lê Văn N, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng..

3. Ông Lê Văn T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăn. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Lê Khả Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 02 dãy B, đường B (nay là hẻm 17 T), Phường H, Quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

4. Ông Lê Văn H, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăn. (Vắng mặt).

5. Ông Lê Văn S, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

6. Ông Lê Văn D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp An Khương, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách - Sóc Trăng. (Vắng mặt).

7. Bà Lê Thị Ngọc V, sinh năm 1970. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Lê Khả Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 02 dãy B, đường B (nay là hẻm 17 T), Phường H, Quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

8. Ông Nguyễn Văn N(Chồng bà V), sinh năm 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

9. Ông Lê Ngọc L(Lang), sinh năm 1972 (Vắng mặt).

10. Bà Hồ Thị Trúc L(Vợ Vợ ông L), sinh năm 1976 (Vắng mặt).

11. Anh Lê Văn L1 (Con ông L, bà L), sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

12. Bà Lê Thị Ngọc C, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: bị đơn ông Lê Thị Ngọc C, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc C, bà Lê Thị Ngọc V, ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Cha mẹ nguyên đơn B là cụ Lê Thị Ngọc P (chết ngày 20/02/2016) và cụ Hồ Thị U (chết 27/10/1985 ÂL nhằm ngày 08/12/1985 DL), cụ P và cụ Ucó 11 người con chung gồm: 1- Lê Văn H (chết trước cụ U và cụ P), ông H có 02 người con tên Lê Văn C và Lê Văn N; 2- Lê Thị B (là nguyên đơn trong vụ án); 3- Lê Văn T, sinh năm 1955; 4- Lê Văn Nh (chết từ nhỏ, không vợ con); 5- Lê Văn H (Quyện), sinh năm 1957; 6- Lê Văn S, sinh năm 1962; 7- Lê Văn D, sinh năm 1968; 8- Lê Thị Ngọc V, sinh năm 1970; 9- Lê Ngọc L(Lang), sinh năm 1971; 10- Bà Lê Thị Ngọc C, sinh năm 1973 và 11-Lê Thị Ngọc C.

Khi còn sống, cụ P và cụ Utạo lập được rất nhiều đất đai, khi dựng vợ gả chồng cho các con thì cha mẹ đã chia đất cho các con. Còn lại 05 người chưa được cho đất gồm: B, V, L, C và P. Đến ngày 22/10/2014 thì cụ P có lập Di chúc chia

đất cho 05 người con tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 04, diện tích 11.175m^2; loại đất T + Q, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Lê Văn P, ngày 20/11/1996 (*sau đây gọi tắt là thửa đất số 144*). Nội dung di chúc thể hiện: Cho Lê Thị Ngọc V 900m^2, Lê Ngọc L 2.440m^2, Lê Thị B 1.000m^2, Lê Thị Ngọc C 900m^2. Phần diện tích còn lại cùng với căn nhà gắn liền với đất thì cho Lê Thị Ngọc C, con trai út hưởng và có nghĩa vụ thờ cúng khi cha qua đời.

Qua nội dung "Tờ di chúc" của cụ P để lại, mặc dù có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N chứng thực, nhưng "Tờ di chúc" này cụ P đã toàn quyền quyết định toàn bộ thửa đất và căn nhà là chưa đúng, vì thửa đất này là cấp cho hộ cụ P chứ không phải cấp cho cá nhân cụ P. Thửa đất và căn nhà là tài sản chung của cụ P và cụ Út, không phải tài sản riêng của cá nhân cụ P. Vì vậy, cụ P chỉ có quyền lập di chúc 50% đối với số tài sản hiện có mà thôi.

Sau khi cụ U chết, bà B là người trực tiếp sống chung với cha và thờ cúng mẹ. Đến khi cụ P chết, anh em trong gia đình vẫn đồng ý để căn nhà và phần đất này cho ông P canh tác để thờ cúng cha mẹ. Do gia đình ông P đi làm và sinh sống tại Cần Thơ, không có điều kiện trông nom nhà cửa và chăm sóc vườn cây. Vì vậy, bà B đã cho thuê hết phần đất và cây trồng trên phần đất của ông P và cả của bà, để lấy thu nhập thờ cúng cha mẹ.

Đến năm 2019 thì ông P trở về lấy lại đất để canh tác. Ngoài ra, ông P còn đóng cửa nhà không cho anh em vào nhà để đốt nhang cho cha mẹ. Ông P tự phân chia cho bà B phần đất tại nơi trũng thấp, không thể trồng cây được. Bà B có cất thêm căn nhà phụ gắn liền với căn nhà chính của cha mẹ chết để lại.

Do anh em trong gia đình không thể tự phân chia tài sản do cha mẹ chết để lại. Vì vậy, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, giải quyết cụ thể như sau:

1. Yêu cầu tuyên bố di chúc của cha tên Lê Văn P, lập ngày 22/10/2014 vô hiệu 01 phần.

2. Ổn định cho bà Lê Thị Ngọc V 900m^2, Lê Ngọc L2.440m^2, Lê Thị B 1.000m^2, Lê Thị Ngọc C 900m^2 (tổng cộng 5.240m^2).

3. Chia cho ông Lê Thị Ngọc C 2.440m^2 bằng với phần chia cho Vợ ông L.

Diện tích đất còn lại 3.495m^2 cùng với căn nhà gắn liền với đất thì dùng vào việc thờ cúng. Giao cho bà Lê Thị B quản lý sử dụng, lấy thu nhập hàng năm để thờ cúng cha mẹ. Bà B không có quyền sang bán hoặc tặng cho người khác, khi bà B chuyển đổi cho người khác sử dụng phải có sự đồng ý của những người đồng thừa kế. Khi bà B không hoàn thành nghĩa vụ thờ cúng cha mẹ, thì các đồng thừa kế có quyền thay đổi người trực tiếp thờ cúng.

Bà B yêu cầu được nhận phần đất thừa kế theo di chúc là 1.000m^2 giáp với phần đất có nhà ở và mồ mả của cha mẹ dùng vào việc thờ cúng chung trong gia đình, để bà có điều kiện quản lý nhà, chăm sóc mồ mả và canh tác đất, lấy thu nhập để thờ cúng cha mẹ.

** Bị đơn Lê Thị Ngọc C và người đại diện theo ủy quyền của ông P trình bày:* Ông P thừa nhận bà B trình bày về cha mẹ, ngày chết của cha mẹ, các anh chị em trong gia đình và tài sản cũng như di chúc do cha là cụ P để lại là đúng sự thật. Nguồn gốc phần đất hiện nay đang tranh chấp thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà B là của cha mẹ. Sau khi mẹ chết, thì cha làm thủ tục để được cấp giấy đất và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy cho hộ cụ Lê Văn P, ngày 20/11/1996. Khi cấp giấy đất, trong hộ khẩu của cụ P gồm 05 thành viên gồm: Cụ P và các con tên: H; D; V và C không có tên bà B. Do bà B không có tên trong hộ khẩu khi được cấp giấy, nên bà B không có quyền yêu cầu hủy 01 phần di chúc của cụ P, chỉ có những người có tên trong hộ khẩu lúc được cấp giấy mới có quyền yêu cầu hủy di chúc của cụ P vì di chúc nêu trên có ảnh hưởng đến quyền lợi của họ.

Khi còn sống, cụ P đã lập "Di chúc" có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chia đất cho các con và các con đã sử dụng ổn định cho đến nay. "Di chúc" do cụ P lập là hợp pháp, các con phải thực hiện theo di nguyện của cụ P. Vì vậy, bị đơn Phi không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Beo.

Bị đơn P đã làm đơn phản tố và được Tòa án chấp nhận thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật, bị đơn P yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

- Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị B.

- Công nhận di chúc ngày 22/10/2014 của cụ Lê Văn P là hợp pháp.

- Buộc bà Lê Thị B dời đi nơi khác, giao trả nhà, đất cho ông P quản lý sử dụng đúng theo nội dung của di chúc. Ông P tự nguyện hỗ trợ di dời cho bà B số tiền 10.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn T trình bày:* Ông thừa nhận nguyên đơn Beo trình bày về cha mẹ, ngày chết của cha mẹ, anh chị em trong gia đình và tài sản cũng như di chúc do cha là cụ P để lại là đúng sự thật. Ông đã được cha mẹ chia đất rồi nên không có ý kiến gì đối với vụ án này. Ông yêu cầu Tòa án công nhận "Di chúc" của cụ P chết để lại là hợp pháp và chia đất cho các anh chị em theo thực tế họ đang sử dụng đúng với ý nguyện của cụ P được ghi trong di chúc. Nếu di chúc không hợp pháp và ông được chia phần di sản của cha mẹ chết để lại, thì ông đồng ý nhận và cho tặng phần ông được nhận cho em trai út là bị đơn Phi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn H trình bày:* Ông thừa nhận nguyên đơn Beo trình bày về cha mẹ, ngày chết của cha mẹ, anh chị em trong gia đình và tài sản cũng như di chúc do cha là cụ P để lại là đúng sự thật. Ông đã được cha mẹ chia đất nên không có ý kiến gì đối với vụ án này. Nếu ông được chia phần di sản của cha mẹ chết để lại, thì ông đồng ý nhận và cho tặng phần ông được nhận cho nguyên đơn B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn S trình bày:* Ông thừa nhận nguyên đơn B trình bày về cha mẹ, ngày chết của cha mẹ, anh chị em trong gia đình và tài sản cũng như di chúc do cha là cụ P để lại là đúng sự thật. Ông Sử cho rằng căn nhà phụ là do bà B cất chứ không phải do cụ P cất. Đối với vụ án này, ông Sử yêu cầu giữ lại phần đất có căn nhà và khu đất mồ mả của cha mẹ

làm đất hương quả, thờ cúng cha mẹ. Nếu di chúc không hợp pháp mà ông được chia phần di sản của cha mẹ chết để lại thì ông đồng ý nhận và cho tặng phần ông được nhận cho nguyên đơn B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn D trình bày:* Khi còn sống cha ông đã làm "Di chúc" chia đất cho các con, ông Dài yêu cầu anh em trong gia đình thực hiện theo "Di chúc" của cha để lại. Nếu ông được chia phần di sản của cha mẹ chết để lại thì ông không nhận và cũng không cho tặng ai.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ngọc V trình bày:* Bà thừa nhận nguyên đơn B trình bày về cha mẹ, ngày chết của cha mẹ, anh chị em trong gia đình và tài sản cũng như di chúc do cha là cụ P để lại là đúng sự thật. Khi còn sống, cha bà là cụ P đã chia đất cho 05 người con có tên trong di chúc và đã sử dụng ổn định từ lâu, phần đất cho bà là 900m^2 thì bà đã nhận, cất nhà ở và trồng cây lâu năm rồi. Diện tích đất thực tế hiện nay bà V đang sử dụng nhiều hơn so với di chúc. Vì vậy, bà đồng ý trả lại giá trị bằng tiền đối với phần đất nhiều hơn so với di chúc, cho các đồng thừa kế khác để được sử dụng diện tích đất chênh lệch nêu trên.

Bà V không đồng ý chia đất theo yêu cầu khởi kiện của bà B, yêu cầu các anh chị em thực hiện theo "Di chúc" do cha để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Ntrình bày:* Ông là chồng bà Lê Thị Ngọc V, đất đang tranh chấp thừa kế là của cha mẹ bà V để lại. Vì vậy, mọi vấn đề liên quan đến vụ án này do bà V quyết định, ông không có ý kiến gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Ngọc L trình bày:* Ông thừa nhận nguyên đơn B trình bày về cha mẹ, ngày chết của cha mẹ, anh chị em trong gia đình và tài sản cũng như di chúc do cha là cụ P để lại là đúng sự thật. Ông L cho rằng khi còn sống cha ông là cụ P đã chia đất cho 05 người con có tên trong di chúc và đã sử dụng ổn định từ lâu, phần đất cho ông là 2.440m^2 thì ông đã nhận, cất nhà ở và trồng cây ổn định đã lâu. Vì vậy, ông không đồng ý chia đất theo yêu cầu khởi kiện của bà B. Ông L yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của cha ông chết để lại là hợp pháp và chia đất cho các anh chị em ông theo thực tế họ đang sử dụng đúng với ý nguyện của cha được ghi trong di chúc. Diện tích đất thực tế hiện nay ông L đang sử dụng nhiều hơn so với di chúc. Vì vậy, ông Lđồng ý trả lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác để được sử dụng diện tích đất chênh lệch nêu trên. Ông L yêu cầu không chia phần đất khu nền mộ và phải chừa lối đi vào khu nền mộ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị Trúc Ltrình bày:* Bà là vợ ông Lê Ngọc L, đất đang tranh chấp thừa kế là của cha mẹ ông L để lại. Vì vậy, mọi vấn đề liên quan đến vụ án này do ông L quyết định, bà không có ý kiến gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn L1 trình bày:* Anh là con của ông Lê Ngọc L và bà Hồ Thị Trúc L, đất đang tranh chấp thừa kế là do ông bà nội để lại cho cha mẹ. Vì vậy, mọi vấn đề liên quan đến vụ án này do cha mẹ quyết định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ngọc C trình bày:* Bà thừa nhận nguyên đơn B trình bày về cha mẹ, ngày chết của cha mẹ, anh chị em trong gia đình và tài sản cũng như di chúc do cha là cụ P để lại là đúng sự thật. Khi còn sống, cha bà là cụ P đã chia đất cho 05 người con có tên trong di chúc và đã sử dụng ổn định từ lâu, phần đất cho bà là 900m2 thì bà đã nhận, cất nhà ở và trồng cây lâu năm rồi. Diện tích đất thực tế hiện nay bà C đang sử dụng nhiều hơn so với di chúc. Vì vậy, bà C đồng ý trả lại giá trị bằng tiền đối với phần đất nhiều hơn so với di chúc, cho các đồng thừa kế khác để được sử dụng diện tích đất chênh lệch nêu trên.

Bà C không đồng ý chia đất theo yêu cầu khởi kiện của bà B, yêu cầu các anh chị em thực hiện theo "Di chúc" do cha để lại. Bà C yêu cầu không chia phần đất khu nền mộ và phải chừa lối đi vào khu nền mộ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C, Lê Văn N trình bày:* Cha của anh Cuôl và anh Na tên Lê Văn H chết năm 1983 và mẹ tên Nguyễn Thị Hồng D. Anh C và anh N không nhận thừa kế tài sản do ông bà nội chết để lại.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 04/2022/DS-ST, ngày 18 tháng 01 năm 2022, đã quyết định:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 357; 609; 610; 611; 612; 613; 620; 623; 624; 627; 628; 630; 631; 645; 649; 650; 651 và 652 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 188 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên xử</u>:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc và chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn Lê Thị B.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thị Ngọc C.

1- Xác định thửa số 144, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Lê Văn P, ngày 20/11/1996, là di sản thừa kế theo di chúc của cụ Lê Văn P và là di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Hồ Thị Út.

2- Xác định phần đất có diện tích 551,1m^2 có căn nhà và khu nền mộ, thuộc thửa số 144, là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ P và cụ Út, làm đất hương hỏa. Tạm giao cho bà Lê Thị B trực tiếp quản lý căn nhà chính và nhà phụ trên phần đất hương hỏa do cụ P và cụ U để lại đến hết đời, sau đó giao lại cho ông Lê Thị Ngọc C trực tiếp quản lý. Đất hương hỏa thuộc thửa số 144, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Lê Văn P, ngày 20/11/1996, phần nhà đất hương hỏa, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 114 có số đo: 8,10m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có số đo: 15,85m.

- Hướng Đông Nam giáp thửa 144 có các số đo: 30m + 11,35m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 144 gồm 03 đoạn không thẳng hàng, có các số đo: 6,67m + 20,54m + 8,80m + 11,35m.

3- Chia thừa kế theo di chúc của cụ Lê Văn P và chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Hồ Thị U, đối với diện tích đất tại thửa thửa số 144, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Lê Văn P, ngày 20/11/1996, cụ thể như sau:

3.1- Nguyên đơn Lê Thị B được hưởng thừa kế của cụ P và cụ Út, đối với 02 phần đất tại thửa thửa số 144, cụ thể là:

*** Phần thứ nhất**: Diện tích: 895,4m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 139 có số đo: 8,96m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có các số đo: 6,20m + 6,01m + 3,64m.

- Hướng Đông Nam giáp thửa 144 có số đo: 73,77m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 120 có số đo: 72,13m.

*** Phần thứ hai**: Diện tích: 1.324,2m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 143 có số đo: 27,46m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có các số đo:9,34m

- Hướng Đông Nam giáp đất của căn nhà và khu đất nền mộ làm hương hỏa gồm 05 đoạn không thẳng hàng, có các số đo: 6,57m + 20,54m + 8,80m + 11,35 + 8,10 + 33,56m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 144 chia cho bà C, có số đo: 70,75m.

3.2- Bị đơn Lê Thị Ngọc C được hưởng thừa kế của cụ P và cụ Út, đối với 02 phần đất tại thửa thửa số 144, cụ thể là:

*** Phần thứ nhất**: Diện tích: 1.255,9m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 139 có các số đo: 5,12m + 12,17m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có các số đo: 2,27m + 4,46m + 11,19m.

- Hướng Đông Nam giáp thửa 144 có số đo: 70,70m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 120 có số đo: 73,77m.

*** Phần thứ hai**: Diện tích: 993,8m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 143 có các số đo: 8,23m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có các số đo:22,13m

- Hướng Đông Nam giáp phần chia cho bà V của thửa 144 gồm 03 đoạn không thẳng hàng, có các số đo: 20,23m + 14,05m + 14,84m + 45,29m.

- Hướng Tây Bắc giáp đất của căn nhà và khu đất nền mộ làm hương hỏa có các số đo: 30m + 11,35m + 33,56m.

3.3- Người liên quan Lê Thị V được hưởng thừa kế của cụ P và cụ U phần đất có diện tích 1.318m^2 tại thửa số 144, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 143 có các số đo: 26,31m + 2,50m.

- Hướng Tây Nam giáp thửa 144 có số đo: 14,5m.

- Hướng Đông Nam giáp lộ bê tông có các số đo: 19,79m + 20,93m + 25,36m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 144 có số đo: 60,13m.

3.4- Người liên quan Lê Thị C được hưởng thừa kế của cụ P và cụ U phần đất có diện tích 1.374,7m^2 tại thửa số 144, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 143 có số đo: 18,88m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có các số đo: 7,54m + 8,55m + 3,75m.

- Hướng Đông Nam giáp thửa 144 có số đo: 70,75m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 144 có các số đo: 70,92m.

(*Các phần đất nêu trên có sơ đồ kèm theo bản án*)

4- Các người liên quan Lê Thị Ngọc V; Lê Ngọc L và Lê Thị Ngọc C, có nghĩa vụ trả giá trị bằng tiền cho bị đơn Lê Thị Ngọc C đối với diện tích đất chênh lệch được hưởng thừa kế, cụ thể như sau:

4.1 - Người liên quan Lê Thị Ngọc V phải trả cho bị đơn Lê Thị Ngọc C số tiền: 14.487.000đ (*mười bốn triệu, bốn trăm tam mươi bảy ngàn đồng*).

4.2 - Người liên quan Lê Ngọc L phải trả cho bị đơn Lê Thị Ngọc C số tiền: 50.264.500đ (*năm mươi triệu, hai trăm sáu mươi bốn ngàn, năm trăm đồng*).

4.3 - Người liên quan Lê Thị Ngọc C phải trả cho bị đơn Lê Thị Ngọc C số tiền: 17.605.000đ (*mười bảy triệu, sáu trăn lẻ năm ngàn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 25-01-2022, bị đơn ông Lê Thị Ngọc C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T, bà Lê Thị Ngọc C, bà Lê Thị Ngọc V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết hủy bản án sơ thẩm số 04/2022/DS-ST, ngày 18-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà V, bà C và ông T giữ nguyên kháng cáo và yêu cầu phản tố đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm với các lý do là phần đất có diện tích thực tế là 10.537,1m^2 thửa số 144, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng không phải là di sản thừa kế vì đây là đất cấp cho hộ tại thời điểm năm 1996 trong hộ có cụ P, Vợ ông L, bà C, bà V, ông H và ông D. Tại thời điểm năm 1985 đất đai không phải là di sản thừa kế của người chết để lại. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C, ông Lê Văn N, ông Lê Văn H, ông Lê Văn D, ông Lê Ngọc L, bà Hồ Thị Trúc L, ông Lê Văn L1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà nhưng vắng mặt, ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người trên.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về thừa kế tài sản" là phù hợp và Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4]. Xét kháng cáo của bị đơn Lê Thị Ngọc C, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ngọc C, ông Lê Văn T và bà Lê Thị Ngọc V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các đồng thừa kế của cụ P và cụ Uđều thừa nhận phần tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích thực tế là 10.537,1m^2 thửa số 144 là tài sản chung của cha mẹ tạo lập được trong quá trình chung sống. Mặc dù vào năm 1985 không có quy định đất đai là di sản thừa kế do người chết để lại, nhưng đây là tài sản chung của cụ P và cụ U chưa đươc phân chia, tại Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 có quy định "*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*" và Điều 16 quy định là " *Khi một bên chết trước, nếu tài sản của vợ chồng cần chia, thì chia như quy định ở Điều 29. Vợ và chồng đều có quyền thừa kế tài sản của nhau*". Sau đó đến năm 1996 cụ P mới đi đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo luật đất đai năm 1993. Theo Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tại mục 1.1 của phần II quy định "*Đối với đất do người chết để lại (không phân biệt có tài sản hay không có tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất) mà người đó đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1987, Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 thì quyền sử dụng đất đó là di sản*". Như vậy đây là tài sản chung của cụ P và cụ U nhưng chưa được chia cho đến năm 1996 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đây chính là di sản và Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định phần đất có diện tích thực tế là 10.537,1m^2 thửa số 144, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của cụ P và cụ Ulà có cơ sở.

[4.2]. Tòa án cấp sơ thẩm có thu thập được đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất vào ngày 08-11-1996, đây thể hiện là của cá nhân cụ P đăng ký vì trong đơn không có ghi trong hộ có bao nhiêu nhân khẩu, bao nhiêu lao động chính, bao nhiêu lao động phụ, mặt khác tại thời điểm năm 1996 là thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà mặc dù là cá nhân đăng ký nhưng lại cấp cho hộ. Vì vậy lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng đây không phải là di sản thừa kế của cụ P là không có căn cứ.

[4.3]. Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V, bà C và ông L được nhận phần đất nhiều hơn yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa theo di chúc của cụ P để lại và hiện nay đang sử dụng diện tích nhiều hơn phần được chia, việc sử dụng này đã được xây dựng nhà ổn định và đồng ý trả lại giá trị bằng tiền đối với phần diện tích thừa, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm đã ổn định phần diện tích cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và buộc trả giá trị là giải quyết toàn diện vụ án và đúng quy định pháp luật.

[5]. Xét "Tờ Di chúc" lập ngày 22/10/2014 của cụ Lê Văn P, thấy rằng đây là tài sản chung của cụ P và cụ U, nhưng cụ P đã định đoạt toàn bộ diện tích đất tại thửa số 144 là không đúng. Vì vậy, di chúc của cụ P chỉ có hiệu lực đối với

phần tài sản của cụ P, không có hiệu lực đối với phần tài sản của bà U. Do "Tờ Di chúc" ngày 22/10/2014 của cụ P có hiệu lực đối với phần tài sản của cụ P. Vì vậy, phản tố của ông P, yêu cầu của bà V, ông T và bà C yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm công nhận "Tờ Di chúc" ngày 22/10/2014 của cha tên Lê Văn P là hợp pháp và chia di sản thừa kế của cụ P theo nội dung di chúc không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông P, ông T, bà V và bà C .

[6]. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định còn thiếu phần tài sản của ông Lê Ngọc L được chia và án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm cần bổ sung cho đầy đủ.

[7]. Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc C, ông Lê Văn T và bà Lê Thị Ngọc V. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông P, bà C, ông T và bà V không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Thị Ngọc C, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc C, Lê Văn T và Lê Thị Ngọc V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST, ngày 18-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng và được tuyên lại như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị B.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thị Ngọc C về việc công nhận di chúc ngày 22/10/2014 của cụ Lê Văn P là hợp pháp (Đối với phần phần tài sản của cụ Lê Văn P).

1- Xác định phần đất diện tích 10.537,1m^2 thửa số 144, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Lê Văn P, ngày 20/11/1996, là di sản thừa kế theo di chúc của cụ Lê Văn P và là di sản thừa kế theo pháp luật của bà Hồ Thị U.

2- Xác định phần đất có diện tích 551,1m^2 có căn nhà và khu nền mộ, thuộc thửa số 144, là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ P và cụ Út, làm đất thờ cúng. Tạm giao cho bà Lê Thị B trực tiếp quản lý căn nhà chính và nhà phụ trên phần đất thờ cúng do cụ P và cụ Uđể lại đến hết đời, sau đó giao lại cho ông Lê Thị Ngọc C trực tiếp quản lý. Đất thờ cúng thuộc thửa số 144, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Lê Văn P, ngày 20/11/1996, phần nhà đất thờ cúng, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 114 có số đo: 8,10m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có số đo: 15,85m.

- Hướng Đông Nam giáp thửa 144 có các số đo: 30m + 11,35m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 144 gồm 03 đoạn không thẳng hàng, có các số đo: 6,67m + 20,54m + 8,80m + 11,35m.

3- Chia thừa kế theo di chúc của cụ Lê Văn P và chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của bà Hồ Thị U, đối với diện tích đất 10.537,1m^2 tại thửa số 144, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Lê Văn P, ngày 20/11/1996, cụ thể như sau:

3.1- Nguyên đơn Lê Thị B được hưởng thừa kế của cụ P và cụ U, đối với 02 phần đất cùng với các loại cây trồng gắn liền trên đất tại thửa thửa số 144, cụ thể là:

* Phần thứ nhất: Diện tích: 895,4m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 139 có số đo: 8,96m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có các số đo: 6,20m + 6,01m + 3,64m.

- Hướng Đông Nam giáp thửa 144 có số đo: 73,77m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 120 có số đo: 72,13m.

* Phần thứ hai: Diện tích: 1.324,2m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 143 có số đo: 27,46m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có các số đo:9,34m

- Hướng Đông Nam giáp đất của căn nhà và khu đất nền mộ làm hương hỏa gồm 05 đoạn không thẳng hàng, có các số đo: 6,57m + 20,54m + 8,80m + 11,35 + 8,10 + 33,56m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 144 chia cho bà C, có số đo: 70,75m.

3.2- Bị đơn Lê Thị Ngọc C được hưởng thừa kế của cụ P và cụ Út, đối với 02 phần đất cùng với các loại cây trồng gắn liên trên đất tại thửa thửa số 144, cụ thể là:

* Phần thứ nhất: Diện tích: 1.255,9m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 139 có các số đo: 5,12m + 12,17m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có các số đo: 2,27m + 4,46m + 11,19m.

- Hướng Đông Nam giáp thửa 144 có số đo: 70,70m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 120 có số đo: 73,77m.

* Phần thứ hai: Diện tích: 993,8m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 143 có các số đo: 8,23m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có các số đo:22,13m

- Hướng Đông Nam giáp phần chia cho bà V của thửa 144 gồm 03 đoạn không thẳng hàng, có các số đo: 20,23m + 14,05m + 14,84m + 45,29m.

- Hướng Tây Bắc giáp đất của căn nhà và khu đất nền mộ làm hương hỏa có các số đo: 30m + 11,35m + 33,56m.

3.3- Người liên quan Lê Thị Ngọc V được hưởng thừa kế của cụ P và cụ Uphần đất có diện tích 1.318m^2 cùng với các loại cây trồng gắn liền trên đất tại thửa số 144, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 143 có các số đo: 26,31m + 2,50m.

- Hướng Tây Nam giáp thửa 144 có số đo: 14,5m.

- Hướng Đông Nam giáp lộ bê tông có các số đo: 19,79m + 20,93m + 25,36m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 144 có số đo: 60,13m.

3.4- Người liên quan Lê Thị Ngọc C được hưởng thừa kế của cụ P và cụ Uphần đất có diện tích 1.374,7m^2 cùng với các loại cây trồng gắn liền trên đất tại thửa số 144, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 143 có số đo: 18,88m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có các số đo: 7,54m + 8,55m + 3,75m.

- Hướng Đông Nam giáp thửa 144 có số đo: 70,75m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 144 có các số đo: 70,92m.

3.5- Người liên quan Lê Ngọc L được hưởng thừa kế của cụ P và cụ U phần đất có diện tích 2.824m^2 cùng với các loại cây trồng trên gắn liền trên đất tại thửa số 144, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông Bắc giáp thửa 139 có số đo: 6.59m + 32.73m.

- Hướng Tây Nam giáp lộ bê tông có các số đo: 18.73m + 22.46m.

- Hướng Đông Nam giáp thửa 144 có số đo: 70,92m.

- Hướng Tây Bắc giáp thửa 144 có các số đo: 70,70m.

(*Các phần đất nêu trên có sơ đồ kèm theo bản án*)

4- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc V; ông Lê Ngọc Lvà bà Lê Thị Ngọc C, có nghĩa vụ trả giá trị bằng tiền cho bị đơn Lê Thị Ngọc C đối với diện tích đất chênh lệch được hưởng thừa kế, cụ thể như sau:

4.1- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ngọc V phải trả cho bị đơn Lê Thị Ngọc C số tiền: 14.487.000 đồng (*mười bốn triệu, bốn trăm tám mươi bảy ngàn đồng*).

4.2 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Ngọc Lphải trả cho bị đơn Lê Thị Ngọc C số tiền: 50.264.500 đồng (*năm mươi triệu, hai trăm sáu mươi bốn ngàn, năm trăm đồng*).

4.3 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ngọc C phải trả cho bị đơn Lê Thị Ngọc C số tiền: 17.605.000 đồng (*mười bảy triệu, sáu trăn lẻ năm ngàn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thị Ngọc C về việc công nhận di chúc ngày 22/10/2014 của cụ Lê Văn P là hợp pháp (Đối với phần tài sản của cụ Hồ Thị Út).

5- *Án phí sơ thẩm*:

5.1- Nguyên đơn bà Lê Thị B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc L không phải chịu.

5.2- Bị đơn Lê Thị Ngọc C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản được chia là 10.304.500 đồng (*mười triệu, ba trăm lẻ bốn ngàn, năm trăm đồng*) và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006612 ngày 25-9-2020 của Chi cục thi hành án huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy ông Lê Thị Ngọc C còn phải nộp thêm 10.304.500 đồng *(Mười triệu, ba trăm lẻ bốn ngàn, năm trăm đồng)*.

5.3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ngọc V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 2.900.000 đồng (*hai triệu, chín trăm ngàn đồng*).

5.4- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ngọc C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 2.900.000 đồng (*hai triệu, chín trăm ngàn đồng*).

6- *Chi phí tố tụng:* Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 10.050.000 đồng (*mười triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng*), do nguyên đơn bà Lê Thị B đã nộp đủ và đã sử dụng hết cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản. Vì vậy, các đồng thừa kế gồm: Ông P, bà V, ông Lvà bà C phải liên đới trả lại cho bà B, cụ thể như sau:

6.1- Ông P phải chịu: 3.747.000 đồng (*ba triệu, bảy trăm bốn mươi bảy ngàn đồng*) và có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên cho bà B.

6.2- Bà V phải chịu: 1.054.000 đồng (*một triệu, không trăm năm mươi bốn ngàn đồng*) và có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên cho bà B.

6.3- Ông Lphải chịu: 1.910.000 đồng (*một triệu, chín trăm mười ngàn đồng*) và có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên cho bà B.

6.4- Bà C phải chịu: 1.054.000 đồng (*một triệu, không trăm năm mươi bốn ngàn đồng*) và có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên cho bà B.

6.5- Bà B phải tự chịu: 2.285.000 đồng (*hai triệu, hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng*).

7. *Về án phí phúc thẩm:* Bị đơn ông Lê Thị Ngọc C, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T, bà Lê Thị Ngọc V và bà Lê Thị Ngọc C mỗi người phải nộp 300.000 đồng, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0001620, 0001621, 0001622, 0001623 ngày 25-01-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách. Như vậy ông P, ông T, bà V, bà C đã nộp xong án phí phúc thẩm.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

9. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THA huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định